TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **47 /2020/DS-ST**
Ngày 15/7/2020
V/v: " tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Thu
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Đức Lưu

2 – Bà Uông Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga **–** Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2020/DSST ngày 13/01/2020 về việc "tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXX-DS ngày 05/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2020/QĐST-DS giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Dương Chí T** - sinh năm: 1960

Nơi cư trú: số 6 ngách 101/26T, phường Q, quận H, H.

Người đại diện theo ủy quyền: ***Anh Tăng Ngọc Q*** - sinh năm 1988 (HKTT: số 3 ngõ 192 Lê Trọng Tấn, phường KHương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội), theo Hợp đồng ủy quyền số công chứng 333.2020/HĐUQ ngày 13/2/2020.

Có mặt ông T, anh Q;

- Bị đơn: **Ông Dương Văn Đ**– sinh năm: 1952

Nơi cư trú: số 118 S, phường K, quận B, H.

Vắng mặt ông Đ;

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 của ông Dương Chí T và bản tự khai, và trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông T và người đại diện theo ủy quyền là anh Tăng Ngọc Quế thống nhất trình bày:*

- Tôi và ông Dương Văn Đ là bạn bè xã hội, có buôn bán làm ăn chung với nhau, cùng sửa chữa gara oto từ trước năm 1980. Ngày 18/10/2013, ông Dươmg Văn Đ có vay tôi tiền và tự viết giấy vay tiền với số tiền 1.000.000.000 đồng. Khi vay, ông Đ có viết giấy vay tiền và cam kết khi nào tôi cần thì sẽ hoàn trả số tiền đã vay. Đến đầu năm 2015, tôi có nhu cầu sử dụng tiền vay nên đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả tiền nhưng ông Đ luôn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ và hứa hẹn sẽ bán căn nhà ở tại số 118 phố S, phường K, quận B, Hà Nội để trả nợ nhưng đã không thực hiện. Sau khi tôi và ông Đ không làm ăn chung với nhau ở gara oto nữa, 2 ông vẫn là quan hệ bạn bè. Những lúc khó khăn tôi có lên vay ông Đ và trả nợ lãi đúng hẹn. Đối với các giấy vay nợ ông Đ cung cấp cho Tòa án về việc tôi có vay tiền của ông Đ, đó là vào thời điểm năm 2008-2009, nhưng sau đó tôi đã bán nhà và trả nợ cho ông Đ xong hết. Đến khoảng năm 2010, tôi bán nhà ở Tây Hồ, có tiền thì ông Đ đến hỏi vay tiền, tổng cộng là 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) theo 04 giấy vay tiền, ông Đ mới trả được tôi 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Tôi đã khởi kiện ra Tòa án và giải quyết được 01 giấy vay nợ ngày 16/3/2013 đã có bản án sơ thẩm, phúc thẩm và đang thi hành bản án tại cơ quan thi hành án.

Với giấy vay nợ ngày 18/10/2013, ông Đ vì muốn mua nhà cho con trong Sài Gòn và đang thiếu 1 tỷ nên hỏi vay tiền tôi và tôi đã cho ông Đ vay tiền. Tôi giao tiền mặt cho ông Đ và ông Đ viết lại giấy vay tiền ngày 18/10/2013 cho tôi. Quá trình ông Đ vay tiền, ông Đ nhận tiền từ tôi và viết giấy vay nợ, tôi không giao tiền cho bà Yến hay bà Vân nào đó là bạn của ông Đ như ông Đ khai vì tôi không quen biết gì bạn ông Đ.

Do đó đề nghị Tòa án buộc ông Dương Văn Đ phải trả lại cho ông Dương Chí T số tiền **1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)** đã vay theo Giấy vay nợ ngày 18/10/2013 và không yêu cầu tiền lãi đối với khoản tiền vay trên.

** Bị đơn, ông Dương Văn Đ trình bày:* Ông Đ không có yêu cầu phản tố đối với ông Dương Chí T . Về yêu cầu khởi kiện của ông T có ý kiến như sau:

Ông Đ và ông Dương Chí T là bạn bè xã hội quen biết nhau từ lâu, cùng nhau làm ăn buôn bán từ những năm 1980. Lúc đầu cùng góp vốn buôn bán xe máy, sau góp thêm buôn bán oto và mở gara. Đến khoảng năm 1997, không làm ăn chung nữa vì việc kinh doanh thua lỗ, nhưng sau đó vẫn là bạn bè xã hội với nhau. Ông Đ và ông T vẫn góp vốn làm ăn chung, ông T góp 3.700.000.000 đồng còn ông Đ góp hơn 6 tỷ để làm ăn.

Về giấy vay tiền ngày 18/10/2013: ông Đ xác nhận là người trực tiếp, tự nguyện, không bị ai ép buộc khi viết và có ký nhận vào "Giấy vay tiền" ngày 18/10/2013 đối với ông Dương Chí T với số tiền **1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).** Nhưng thực chất giấy vay tiền trên là ông Đ viết để hợp thức hóa việc ông T giao tiền cho chị Vân để chị Vân vay tiền ông T. Sau

đó ông T có được hưởng lợi 3%/tháng từ việc cho vay có lãi. Vì hiện nay chị Vân đã bỏ trốn nên ông T không đòi được tiền mới quay sang đòi nợ tôi.

Tại phiên hòa giải, ông Đ có giao nộp cho Tòa án 04 Giấy vay nợ của ông Dương Chí T vay tiền, và các giấy tờ khác thể hiện ông Đ và ông T cùng nhau góp tiền để làm ăn cho vay, ông Đ nộp bản photo, bản chính ông Đ vẫn giữ. Nhưng trong vụ án này ông Đ không có yêu cầu đòi tiền ông T theo các giấy vay nợ trên, mà sẽ khởi kiện ông T bằng vụ án khác khi thấy cần thiết.

Nay ông T khởi kiện ra Tòa án, ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông Dương Văn Đphải trả lại cho ông Dương Chí T số tiền **1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)** đã vay theo Giấy vay nợ ngày 18/10/2013 và không yêu cầu tiền lãi đối với khoản tiền vay trên.

- Bị đơn: vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình xét xử vụ án. Thư ký tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong việc tống đạt các văn bản của Tòa án trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã 02 lần vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 217, 218 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt đương sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn là ông Dương Văn Đphải trả nợ cho ông Dương Chí T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo Giấy vay nợ ngày 18/10/2013.

Về án phí: nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Ngày 23/9/2019 ông Dương Chí T nộp đơn khởi kiện đối với ông Dương Văn Đ về tranh chấp đòi tài sản. Theo kết quả xác minh ngày 16/12/2019 của Công an phường K, B, Hà Nội xác nhận ông Dương Văn Đ có HKTT: số 118 Sơn Tây, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ông Dương Chí T có yêu cầu đòi tiền đối với với ông Dương Văn Đ theo Giấy vay nợ ngày 18/10/2013, trong giấy vay nợ trên các bên không có thỏa thuận về thời hạn trả, và lãi suất vay nên quan hệ pháp luật xác định là "tranh chấp đòi tài sản". Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3]. *Về việc vắng mặt các đương sự:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra ý kiến chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[4]. Về nội dung vụ án, xét thấy:

Theo Giấy vay nợ ngày 18/10/2013 thể hiện ông Dương Văn Đviết và ký xác nhận có vay của ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Tại tòa án, ông Đ cũng xác nhận có cầm của ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), và xác nhận chữ ký chữ viết trong Giấy vay nợ ngày 18/10/2013 là của mình. Xét thấy, các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 256, 471 Bộ luật dân sự năm 2005 và việc ông Dương Văn Đđã nhận của ông Dương Chí T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) là có thật và có cơ sở để chấp thuận.

[5]. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ trình bày giữa ông và ông T không có quan hệ vay nợ mà đây thực chất là việc cùng nhau góp vốn làm ăn, ông T góp 3.700.000.000 đồng và ông Đ góp 6.000.000.000 đồng, cùng nhau đưa tiền cho bà Yến, bà Vân vay, nhưng ông Đ không cung cấp được cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chưng minh cho lời trình bày trên do đó không có căn cứ chấp nhận. Ông T khẳng định không quen biết bà Yến, bà Vân, bạn ông Đ, mà chỉ cho ông Đ vay tiền và trực tiếp giao tiền cho ông Đ theo đúng nội dung Giấy vay nợ ngày 18/10/2013.

Tại phiên hòa giải, ông Đ xuất trình một số giấy vay tiền của ông T vay tiền của ông Đ từ những năm 2008-2009, ông Đ chỉ muốn chứng minh giữa ông Đ và ông T có mối quan hệ làm ăn chung từ lâu, còn ông không có yêu cầu tòa án giải quyết gì đối với các giấy vay nợ này. Do đó Tòa án không xem xét.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chí T là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do ông Dương Văn Đvi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chí T , buộc ông Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) theo giấy vay nợ ngày 18/10/2013.

[7]. Về lãi suất: trong giấy vay nợ không thỏa thuận tính lãi và ông T cũng xác nhận không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay trên nên hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Mặc dù Ông Dương Văn Đlà người cao tuổi (theo Luật người cao tuổi năm 2009), nhưng ông Đ không có Đơn đề nghị gửi Tòa án xem xét miễn án phí dân sự theo quy định tại Điều 12, 13, 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 do vậy ông Đ không được miễn án phí dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 256, 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí ban hành kem theo; Căn cứ Luật người cao tuổi 2009;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Chí T đối với ông Dương Văn Đích.

2. Buộc ông Dương Văn Đphải trả cho ông Dương Chí T số tiền **1.000.000.000 đồng** (một tỷ đồng) theo Giấy vay tiền đề ngày 18/10/2013.

3. Về án phí: Ông Dương Văn Đphải chịu án phí sơ thẩm là 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng).

Ông Dương Chí T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả ông Dương Chí T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng (hai mươi mốt triệu đồng) theo biên lai số AA/2018/0024135 ngày 09/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tai khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA DS quận Ba Đình;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)